

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 492/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Bé B, sinh ngày 21/3/1979;

CCCD số 051.179.008.281 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2021;

Địa chỉ thường trú: Số H đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ cư trú tại: Số B đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Như T, sinh ngày 12/10/1978;

CCCD số 045.078.004.863 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/7/2025;

Địa chỉ thường trú: Số H đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ cư trú tại: Số B đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 7 năm 2025, bà Trần Thị Bé B và ông Nguyễn Như T thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé B và ông Nguyễn Như T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/3, quyền số I.2005 ngày 05/4/2005 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) cấp cho bà Trần Thị Bé B và ông Nguyễn Như T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn Như Đoàn T1, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Như Minh T2, sinh ngày 09/01/2015. Giao con chung là Nguyễn Như Minh T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà B do ông T không yêu cầu.

Con chung Nguyễn Như Đoàn T1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Bé B và ông Nguyễn Như T

tự nguyện chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà B và ông T đã nộp theo biên lai số 0078726 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà B, ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9, TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tân Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thành).

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hương